

ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH VÀ KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ TRỤY LÔNG CỔ TẠI HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN

Dương Thị Phương Lan¹, Phạm Công Thiệu¹, Phạm Hải Ninh¹,
Nguyễn Công Định¹, Ngô Thị Lệ Quyên¹ và Ngụy Khắc Đức²

¹Viện Chăn nuôi; ²Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Nghệ An

Tác giả liên hệ: Dương Thị Phương Lan; Tel: 0983529816; Email: duongthiphuonglan260296@gmail.com

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mục tiêu là bước đầu đánh giá đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng và năng suất sinh sản của gà Trụi lông cổ. Gà Trụi lông cổ được theo dõi từ đàn nuôi bảo tồn tại bản Na Sái, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An từ 2019 đến 2020. Kết quả cho thấy gà Trụi lông cổ có đặc điểm ngoại hình đặc trưng: lúc 01 ngày tuổi gà có màu lông vàng nhạt, nâu vàng có đốm đen ở đầu, đuôi và đầu cánh, cổ dài và không có lông; da, mỏ và chân có màu vàng. Đến 20 tuần tuổi, gà trống có thân hình lớn hơn gà mái, màu sắc lông đa dạng, mắt tròn, mỏ cong và cứng, có màu vàng đen. Đặc biệt mặt trên của cổ kéo dài từ tai xuống đến thân là hoàn toàn không có lông, mặt dưới cổ có một chòm lông sát với thân, da mặt và da cổ có màu đỏ tươi, đuôi cong dài, có màu đen ánh xanh. Gà mái có thân hình thon gọn và nhẹ hơn con trống, mắt tròn, mỏ đen vàng, từ da mặt tới da cổ có màu hồng nhạt và vùng cổ cũng không có lông. Gà Trụi lông cổ có tỷ lệ nuôi sống đến 20 tuần tuổi đạt 79,33%. Lúc 8 tuần tuổi gà trống có khối lượng 658,13 g, gà mái có khối lượng 557,67 g. Đến 20 tuần tuổi gà trống, gà mái có khối lượng lần lượt là 1.382,97 g và 1.116,83 g. Tuổi đẻ quá trứng đầu lúc 182 ngày tuổi và đỉnh cao lúc 257,50 ngày tuổi. Năng suất trứng trong 52 tuần đẻ trung bình đạt 24,35 quả/mái với tỷ lệ đẻ trung bình 6,87%. Tiêu tốn thức ăn/10 trứng là 10,62 kg. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 88,85%; tỷ lệ nở/trứng đem vào ấp đạt 70,87%.

Từ khóa: Gà Trụi lông cổ, khả năng sinh sản, năng suất trứng

ĐẶT VẤN ĐỀ

Gà Trụi lông cổ được phát hiện tại bản Na Sái, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An năm 2017 và được đưa vào danh mục bảo tồn nguồn gen vật nuôi từ năm 2018. Đây là một giống vật nuôi bản địa của người đồng bào dân tộc Thái, H'Mông, gà Trụi lông cổ Quế Phong có màu sắc lông đa dạng, mỏ cò đơn, chân chì và có đặc trưng là cổ dài không có lông. Gà được cho là dễ nuôi, thích bay nhảy, phù hợp với địa hình, điều kiện khí hậu tự nhiên vùng miền núi. Ngoài ra, với đặc tính trụi lông cổ, gà có khả năng chịu nóng tốt, sức chống chịu bệnh tật cao. Gà đẻ 2 lứa trên một năm, sau khi đẻ trứng gà mẹ ấp tự nhiên và nuôi con, chất lượng thịt, trứng thơm ngon (Phạm Công Thiệu và cs., 2017), phù hợp với phương thức chăn nuôi của đồng bào các dân tộc Thái, H'Mông ở Nghệ An. Đến nay, các nghiên cứu về gà trụi lông cổ tại Việt Nam gần như không có hoặc rất ít, ngoại trừ quần thể gà trụi lông cổ hiện đang được nuôi tại Trung tâm nghiên cứu và Huấn luyện Chăn nuôi có nguồn gốc nhập từ Ấn Độ năm 2016 với đặc điểm ngoại hình đẹp, cổ dài không có lông, hay còn được gọi là cổ rắn. Năng suất trứng đến 38 tuần tuổi đạt 17,21 quả, tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng đạt 7,21 kg (Hồ Xuân Tùng và cs., 2020). Tuy nhiên, kết quả điều tra khảo sát cho thấy đây là hai quần thể gà trụi lông cổ riêng biệt và hoàn toàn khác nhau về phân bố và nguồn gốc xuất xứ. Do vậy, trong khuôn khổ nhiệm vụ “**Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi**” năm 2021, việc tiến hành nghiên cứu “**Đánh giá chi tiết nguồn gen gà Trụi lông cổ**” là cần thiết nhằm đánh giá được một cách chi tiết các chỉ tiêu về đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng và năng suất sinh sản của gà Trụi lông cổ, để từ đó có định hướng cho việc bảo tồn và khai thác nguồn gen gà Trụi lông cổ hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

Số lượng 150 gà con từ 01 ngày tuổi giống gà Trụi lông cổ, được nuôi bảo tồn.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 1 năm 2019 - tháng 11 năm 2020.

Địa điểm nghiên cứu: Tại bản Na Sái, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá đặc điểm ngoại hình của gà Trụi lông cổ.

Đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Trụi lông cổ.

Đánh giá năng suất sinh sản của gà Trụi lông cổ.

Phương pháp nghiên cứu

Đánh giá đặc điểm ngoại hình: Đặc điểm ngoại hình được thực hiện thông qua việc quan sát trực tiếp, mô tả hình thái và chụp ảnh các cá thể gà tại 01 ngày tuổi, 8 tuần tuổi và 20 tuần tuổi. Các chỉ tiêu theo dõi đặc điểm ngoại hình gồm có: màu sắc lông, màu da, kiểu dáng, kiểu mỏ.

Đánh giá khả năng sinh trưởng bao gồm: Tỷ lệ nuôi sống, khối lượng cơ thể và kích thước một số chiều đo cơ thể gà.

Khối lượng cơ thể (KL): Hàng tuần gà được cân vào một buổi sáng cố định trước khi cho ăn, chọn ngẫu nhiên 30 con/giới tính để cân. Gà được cân vào thời điểm từ 01 ngày tuổi tới 20 tuần tuổi.

Tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên 30 cá thể để đo kích thước một số chiều đo cơ thể dài thân, vòng ngực, dài lườn, dài cánh, dài đùi bằng thước dây tại thời điểm 8 và 38 tuần tuổi.

Đánh giá năng suất sinh sản: Theo dõi, thu thập số liệu về năng suất sinh sản trên đàn gà và số liệu ghi chép hàng ngày. Các chỉ tiêu đánh giá là tuổi thành thực sinh dục (tỷ lệ đẻ đạt 5% toàn đàn, 30% và đỉnh cao), tỷ lệ đẻ, năng suất trứng (NST), tiêu tốn thức ăn/10 trứng, tỷ lệ trứng có phôi và kết quả ấp nở, khối lượng trứng tại thời điểm tỷ lệ đẻ 5% và đẻ đỉnh cao.

Chăm sóc và chế độ dinh dưỡng

Gà được nuôi theo phương thức bán chăn thả mang tính chất tận dụng, ban ngày gà tự đi kiếm ăn, ban đêm về chuồng. Nguồn thức ăn bổ sung là nguồn thức ăn có sẵn từ địa phương, chủ yếu là lúa, ngô. Gà con giai đoạn 0 - 8 tuần tuổi được cho ăn lúa, ngô xay nghiền nhỏ và bổ sung tự do thêm thức ăn hỗn hợp cho gà con. Giai đoạn hậu bị (từ 9 - 25 tuần tuổi) thức ăn chủ yếu là nguồn thức ăn tự kiếm được trong rừng, ngoài ra được bổ sung thêm lúa, ngô. Giai đoạn trên 25 tuần tuổi, ngoài thức ăn bổ sung là lúa, ngô, gà được bổ sung thêm thức ăn hỗn hợp cho gà sinh sản. Chuồng nuôi được lót rơm để giữ ấm cho gà khi về đêm. Các biện pháp thú y còn hạn chế, chỉ tiêm phòng một số loại vacxin theo quy định cho gia cầm, thuốc thú y phòng bệnh không thường xuyên được sử dụng.

Bảng 1. Bảng giá trị dinh dưỡng của thức ăn hỗn hợp bổ sung cho giai đoạn 0-8 và > 25 tuần tuổi

Thành phần dinh dưỡng	0 - 8 tuần tuổi	> 25 tuần tuổi
ME (kcal/kg ta)	2800	2700
Protein thô (%)	19	17,5
Canxi (%)	0,7	3,0
Lysine (%)	1,0	0,9
Methionine + Cystine tổng số (%)	0,7	0,7

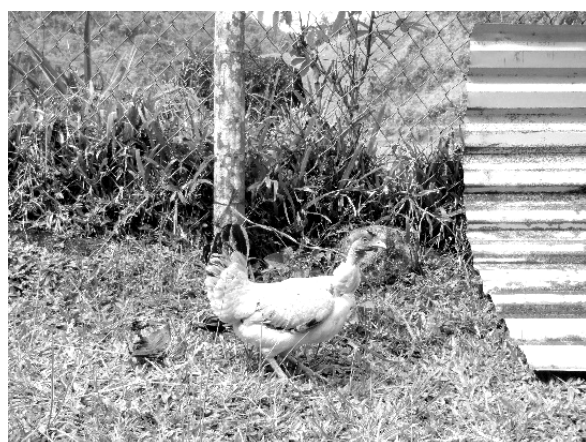
Xử lý số liệu

Số liệu được xử lý trên chương trình Excel (2010) và phần mềm Minitab 16.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Đặc điểm ngoại hình và kích thước một số chiều đo cơ thể

Đặc điểm ngoại hình gà Trụi lông cổ



Hình 1. Gà Trụi lông cổ mái



Hình 2. Gà Trụi lông cổ trống

Lúc 01 ngày tuổi, gà Trụi lông cổ có màu lông vàng nhạt, nâu vàng có đốm đen ở đầu, đuôi và đầu cánh, cổ dài và không có lông; da, mỏ và chân có màu vàng.

Khi trưởng thành, gà trống có thân hình lớn hơn gà mái, màu sắc lông đa dạng, mắt tròn, mỏ cong và cứng, có màu vàng đen. Mặt trên của cổ kéo dài từ tai xuống đến thân là hoàn toàn không có lông, mặt dưới cổ có một chòm lông sát với thân, da mặt đến hết cổ có màu đỏ tươi, tích màu đỏ. Gà mái có thân hình thon gọn và nhẹ hơn con trống, mắt tròn, mỏ đen vàng, từ da mặt tới da cổ có màu hồng nhạt, tích nhỏ, và vùng cổ cũng không có lông. Kết quả này phù hợp với màu sắc lông tiêu chuẩn của gà Trụi là màu đen, trắng, đỏ, và nâu nhạt (được công nhận bởi APA) (theo trích dẫn của The Happy Chicken Coop, 2019).

Bảng 2. Đặc điểm ngoại hình của gà Trụi lông cổ

Tỷ lệ gà Trụi lông cổ (lúc 01 ngày tuổi)				
Số gà con nở ra (con)		150	Tỷ lệ (%)	
Trụi lông cổ (con)		131	87,33	
Màu sắc lông (lúc 20 tuần tuổi)				
<i>Giới tính</i>	<i>Màu lông</i>	<i>n (con)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	
Gà trống (n=34)	Đỏ tía	23	67,65	
	Đen xanh	5	14,71	
	Đốm đen	6	17,64	
Gà mái (n=85)	Vàng nhạt	7	8,23	
	Vàng nâu	24	28,24	
	Nâu đen	14	16,47	
	Đốm đen	30	35,29	
	Đen	8	9,42	
	Hoa mơ	2	2,35	
Kiểu mào (lúc 20 tuần tuổi)				
	<i>Trống (n=34)</i>		<i>Mái (n=85)</i>	
	<i>n (con)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>n (con)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Mào cờ	32	94,12	85	100
Mào nụ	2	5,88	0	0
Màu da chân				
Màu vàng	11	32,35	48	56,47
Màu xám	23	67,65	37	43,53

Tỷ lệ đàn gà con nở ra có đặc điểm trụi lông cổ chiếm 87,33% do trong quá trình nuôi thả tự do lên đồi kiếm ăn, các hộ chăn nuôi chưa kiểm soát được sự lai tạp giữa các giống gà khác. Tại 20 tuần tuổi, màu lông chủ yếu của gà trống là màu đỏ tía (67,65%), gà mái là màu đốm đen (35,29%) và màu vàng nâu (28,24%). Đa dạng về màu lông là một trong những đặc điểm ngoại hình của nhiều giống gà nội: gà Ri có nhiều màu lông như vàng, hoa mơ, trắng, đỏ tía, ... tuy nhiên màu phổ biến ở gà mái là màu vàng sẫm hoặc màu vàng nhạt còn gà trống có màu đỏ tía. Về kiểu mào, gà Trụi lông cổ có kiểu mào chủ yếu là mào cờ, ở con trống chiếm 94,12%, và con mái chiếm 100%. Một số giống gà khác như gà Hồ là mào hạt đậu và mào hoa hồng, gà H'Mông là mào cờ.

Về màu sắc da chân, lúc 20 tuần tuổi, gà có hai màu da chân là màu vàng và màu xám. Ở con trống, màu da chân phần lớn có màu xám chiếm 66,65%, nhưng ở con mái phần lớn màu da chân là màu vàng (56,47%).

Kích thước một số chiều đo cơ thể gà Trụi lông cổ

Kết thúc giai đoạn gà con, tiến hành đo kích thước các chiều đo cơ thể của gà Trụi lông cổ tại 8 tuần tuổi và 38 tuần tuổi. Tại thời điểm 8 tuần tuổi: Gà mái có dài thân là 16,23 cm, dài lườn 4,58 cm, vòng ngực 16,38 cm, dài đùi 6,00 cm, dài cánh 18,73 cm và gà trống có các kích thước tương tự là 20,05 cm; 6,80 cm; 18,58 cm; 8,60 cm; 21,80 cm. Đến 38 tuần tuổi, kích thước các chiều đo cơ thể gà thay đổi rõ rệt, dài thân là 28,30 cm ở gà mái và 32,27cm ở gà trống; dài lườn đạt 11,80 - 12,52 cm; vòng ngực của gà mái là 29,23 cm và gà trống là 28,43 cm; dài đùi 15,57 - 16,07 cm.

Bảng 3. Kích thước của một số chiều đo (cm) (n=30)

Chỉ tiêu	Tính biệt	Mean ± SD	
		8 tuần tuổi	38 tuần tuổi
Dài thân	Mái	16,23 ± 1,22	28,30 ± 2,50
	Trống	20,05 ± 2,21	32,27 ± 1,81
Dài lườn	Mái	4,58 ± 0,68	11,80 ± 1,53
	Trống	6,80 ± 1,05	12,52 ± 1,99
Vòng ngực	Mái	16,38 ± 1,33	29,23 ± 2,31
	Trống	18,58 ± 1,94	28,43 ± 1,82
Dài đùi	Mái	6,00 ± 0,98	15,57 ± 1,44
	Trống	8,60 ± 1,02	16,07 ± 1,46
Dài cánh	Mái	18,73 ± 1,47	31,67 ± 1,66
	Trống	21,80 ± 1,97	32,35 ± 1,87

Theo Phạm Công Thiều và cs. (2018), gà Tò con trống lúc 38 tuần tuổi có dài thân (23,47 cm), vòng ngực (20,45 cm), dài lườn (18,98 cm), dài đùi (24,18 cm); gà mái có dài thân (20,45 cm), vòng ngực (27,81 cm), dài lườn (16,72 cm) và dài đùi (20,63 cm). Như vậy, gà Trụi lông cổ có kích thước chiều đo dài đùi và dài lườn nhỏ hơn gà Tò nhưng dài thân và vòng ngực lớn hơn, điều này cho thấy rằng trị số vòng ngực cao hơn đánh giá sức sống và khả năng cho thịt của gà Trụi lông cổ là cao hơn.

Khả năng sinh trưởng của gà Trụi lông cổ

Tỷ lệ nuôi sống

Giai đoạn 1 - 8 tuần tuổi, gà Trụi lông cổ có tỷ lệ nuôi sống không ổn định qua các tuần tuổi. Đàn gà Trụi lông cổ được nuôi thả tự do trong rừng, ban ngày đi lên rừng kiếm mồi, ban đêm mới về chuồng, không chịu sự kiểm soát của người chăn nuôi. Do đó, trong quá trình đi kiếm ăn kết hợp thời tiết khắc nghiệt, địa hình đồi núi của địa phương, giai đoạn gà con còn nhỏ, sức đề kháng kém nên có tỷ lệ chết cao hơn nhiều so với các giai đoạn khác.

Bảng 4. Tỷ lệ nuôi sống của gà Trụi lông cổ

Giai đoạn (tuần tuổi)	n (con)	Tỷ lệ nuôi sống (%)
Đầu kỳ (01 ngày tuổi)	150	
2	135	90,00
4	130	96,30
6	128	98,46
8	127	99,22
10	125	98,43
12	122	97,60
14	121	99,18
16	120	99,17
18	119	99,17
20	119	100,00
1-8		84,67
8-20		93,70
1-20		79,33

So sánh với kết quả của Hồ Xuân Tùng và cs. (2020) cho biết gà Trụi lông cổ nuôi tại trại thực nghiệm Liên Ninh có tỷ lệ nuôi sống từ 0-20TT đạt 92,67% thì kết quả của chúng tôi thấp hơn nhiều (79,33%). Theo Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015) cho biết giai đoạn 1-8 tuần tuổi, gà Chọi có tỷ lệ nuôi sống đạt từ 92,03% - 94,15%, gà Đông Tảo đạt từ 92,50 - 93,80% thì tỷ lệ nuôi sống của gà Trụi lông cổ là thấp hơn.

Khối lượng cơ thể gà Trụi lông cổ qua các tuần tuổi

Khối lượng cơ thể gà Trụi lông cổ ở 01 ngày tuổi đạt 29,40 g/con. Khối lượng này thấp hơn khối lượng gà Trụi cổ 01 ngày tuổi nuôi tại trại thực nghiệm Liên Ninh (31,87 g/con) (Hồ Xuân Tùng và cs., 2020). Trong khi đó, Lê Thị Thu Hiền (2015^b) cho biết gà Chọi mới nở có khối lượng là 30,24 g. Theo Ngô Thị Kim Cúc và Trần Trung Thông (2018) cho biết gà Mía 01 ngày tuổi có khối lượng đạt 29,38 - 30,32 g. Như vậy khối lượng cơ thể gà con 01 ngày tuổi ở gà Trụi lông cổ là tương đương với gà Chọi và gà Mía.

Bảng 5. Khối lượng cơ thể gà Trụi lông cổ qua các tuần tuổi

Tuần tuổi	Khối lượng cơ thể (g) (n=30)			
	Mean ± SE		Cv (%)	
01 ngày tuổi	29,40 ± 0,83		15,53	
2	113,10 ± 2,62		12,68	
4	255,83 ± 8,40		17,99	
6	411,33 ± 7,76		10,34	
	Gà trống (n = 30)		Gà mái (n = 30)	
	Mean ± SE	Cv (%)	Mean ± SE	Cv (%)
8	658,13 ± 11,06	9,20	557,67 ± 12,84	12,61
10	794,93 ± 13,11	9,03	708,33 ± 12,65	9,78
12	901,67 ± 12,01	7,29	810,83 ± 10,35	6,99
14	1017,50 ± 13,72	7,38	897,83 ± 13,90	8,48
16	1135,83 ± 17,14	8,27	990,63 ± 23,09	12,77
18	1256,07 ± 17,95	7,83	1064,70 ± 20,38	10,48
20	1382,97 ± 28,69	11,36	1116,83 ± 22,66	11,11

Tại 8 tuần tuổi gà được cân riêng trống mái, khối lượng gà Trụi lông cổ trống là 658,13 g/con, con mái đạt 557,67 g/con cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Lý Văn Vỹ và cs. (2009) cho biết khối lượng cơ thể gà Chọi Bình Định nuôi theo phương thức truyền thống tại các hộ gia đình ở 8 tuần tuổi ở con trống là 650 g, con mái là 470 g. So với kết quả nghiên cứu của Hồ Xuân Tùng và cs. (2020) cho biết gà Trụi cổ nuôi tại trại thực nghiệm Liên Ninh có khối lượng cơ thể lúc 8 tuần tuổi là 623,18 g/con thì khối lượng bình quân trống mái của gà Trụi lông cổ trong nghiên cứu của chúng tôi là thấp hơn (607,90 g/con).

Theo Hồ Xuân Tùng và cs. (2020) cho biết gà Trụi cổ lúc 20 tuần tuổi được nuôi tại trại Liên Ninh có khối lượng cơ thể con trống đạt 1788,00 g/con, con mái đạt 1606,70 g/con cao hơn so với kết quả nghiên cứu của gà Trụi lông cổ nuôi tại Quế Phong (con trống đạt 1382,97 g/con, con mái đạt 1116,83 g/con). Sở dĩ khối lượng cơ thể gà Trụi được nuôi tại các nông hộ dân tộc miền núi thấp hơn so với kết quả gà Trụi nuôi tại trại thực nghiệm Liên Ninh là do đàn gà

được chăn thả tự do, lượng thức ăn gà kiếm được chủ yếu trên rừng, gà chạy nhảy, vận động nhiều nên cơ thể rất săn chắc và dẻo dai, không tích mỡ nhiều, nên khối lượng cơ thể sẽ nhỏ hơn. So sánh với kết quả nghiên cứu của Lý Văn Vỹ và cs. (2009) cho biết khối lượng cơ thể gà Chọi Bình Định lúc 20 tuần tuổi là 1946 g đối với gà trống và 1650 g đối với gà mái. Hồ Xuân Tùng và cs. (2009) đã cho biết rằng gà Hồ lúc 20 tuần tuổi có khối lượng con trống đạt 2072 g và con mái đạt 1722 g; gà Móng lúc 20 tuần tuổi con trống đạt 1823,3 g và con mái đạt 1512,2 g. Như vậy khối lượng gà Trụi lông cổ Quế Phong lúc 20 tuần tuổi thấp hơn khối lượng cơ thể của các giống gà trên.

Khả năng sinh sản của gà Trụi lông cổ

Tuổi thành thực sinh dục và khối lượng trứng

Bảng 6. Tuổi thành thực sinh dục

Chỉ tiêu	Tuổi (ngày)
	Mean ± SD
Đẻ quả đầu	182
Đẻ đạt 5%	197,75 ± 4,54
Đẻ đạt 30%	234,40 ± 5,77
Đẻ đỉnh cao (45,28%)	257,50 ± 6,49

Kết quả Bảng 6 cho thấy gà Trụi lông cổ có tuổi đẻ quả trứng đầu lúc 182 ngày, đẻ 5% lúc 197,75 ngày và đẻ đỉnh cao đạt 45,28% lúc 257,50 ngày, muộn hơn gà Trụi cổ nuôi tại Liên Ninh có tuổi đạt tỷ lệ đẻ 5% là 185 ngày, đẻ đỉnh cao đạt 47,77% lúc 39 tuần tuổi; gà Chọi có tuổi đạt tỷ lệ đẻ 5% là 177 ngày, đẻ đỉnh cao đạt 44,75% lúc 25 tuần tuổi (Hồ Xuân Tùng và cs., 2020), muộn hơn Gà Ri hoa mơ có tuổi đẻ quả trứng đầu tiên từ 139-142 ngày; tỷ lệ đẻ 5% vào 21-22 tuần tuổi; đẻ đỉnh cao lúc 27-28 tuần tuổi (Ngô Thị Kim Cúc và cs., 2014).

Bảng 7. Khối lượng trứng của gà trụi lông cổ

Chỉ tiêu	Khối lượng trứng (g) (n = 30)	
	Mean±SE	CV (%)
Đẻ 5% (28 tuần tuổi)	38,97 ± 0,37	5,24
Đẻ đỉnh cao (36 tuần tuổi)	42,20 ± 0,38	4,99

Khối lượng trứng gà Trụi lông cổ tại thời điểm tỷ lệ đẻ 5% đạt 38,97 g và tại lúc đẻ đỉnh cao đạt 42,20 g. Theo Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015^b) cho biết gà Chọi khi tỷ lệ đẻ đạt 5% có khối lượng trứng đạt 36,98 g - 38,09 g, tại thời điểm tỷ lệ đẻ đỉnh cao có khối lượng trứng đạt 43,72 g - 44,61 g. Như vậy, khối lượng trứng gà Trụi là gần tương đương so với khối lượng trứng gà Chọi.

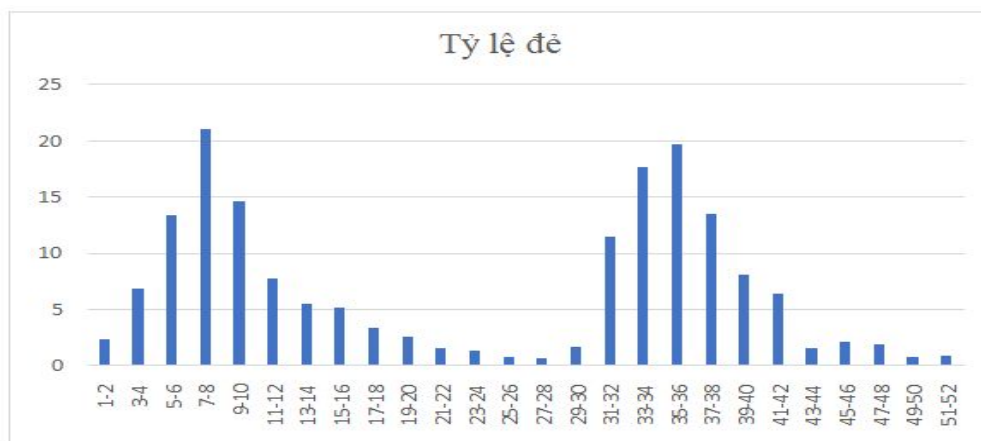
Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng gà Trụi lông cổ

Kết quả Bảng 8 cho thấy gà Trụi lông cổ có tỷ lệ đẻ đến 52 tuần đẻ trung bình thấp đạt 6,87 với năng suất trứng đạt 24,35 quả/mái/năm đẻ. Gà đẻ thành từng lứa đẻ, mỗi năm đẻ 2 lứa và mỗi lứa đẻ đạt 11-13 quả. Gà Trụi lông cổ đẻ tập trung nhiều nhất vào tháng 2 và tháng 9 hàng năm.

Bảng 8. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng (n=53)

Tuần đẻ	Tỷ lệ đẻ (%)	NST (quả)	TTTA/10 trứng (kg)
1-2	2,43	0,34	31,11
3-4	6,87	0,96	11,08
5-6	13,48	1,88	6,30
7-8	21,16	2,96	4,01
9-10	14,69	2,06	5,78
11-12	7,82	1,09	10,86
13-14	5,53	0,77	15,24
15-16	5,26	0,74	16,15
17-18	3,37	0,47	19,60
19-20	2,56	0,36	25,79
21-22	1,62	0,23	35,00
23-24	1,35	0,19	42,00
25-26	0,81	0,11	70,00
27-28	0,67	0,09	84,00
29-30	1,75	0,24	43,08
31-32	11,59	1,62	6,51
33-34	17,79	2,49	4,77
35-36	19,81	2,77	4,29
37-38	13,61	1,91	5,54
39-40	8,09	1,13	9,33
41-42	6,47	0,91	10,21
43-44	1,62	0,23	40,83
45-46	2,16	0,30	28,44
47-48	1,89	0,26	27,86
49-50	0,81	0,11	70,00
51-52	0,94	0,13	60,00
TB	6,87		
Trứng/mái cộng dồn (quả)		24,35	10,62

Ghi chú: NST: Năng suất trứng; TTTA: Tiêu tốn thức ăn; TB: Trung bình



Đồ thị 1. Tỷ lệ đẻ của gà Trụi lông cổ

Năng suất trứng/mái/52 tuần đẻ của gà Trụi lông cổ thấp hơn gà Chọi 54,28 quả/mái (Hồ Xuân Tùng và cs., 2020), gà Đông Tảo (67,88 - 68,54 quả) (Lê Thị Thu Hiền và cs., 2015^a), gà Tò (93,59 quả/mái/72 tuần tuổi) (Phạm Công Thiệu và cs., 2018). Do gà mái tự ấp và nuôi

con trong điều kiện tự nhiên, nên thời gian nghỉ đẻ và khoảng cách giữa các lứa đẻ xa. Gà con nở ra theo mẹ lên rùng kiếm ăn, khoảng 2 đến 3 tháng tuổi gà con tách mẹ và gà mái mới tiếp tục đẻ trứng nên gà Trụi lông cổ có năng suất trứng thấp.

Tiêu tốn thức ăn/10 trứng của gà Trụi lông cổ đạt 10,62 kg. Lượng thức ăn tiêu tốn tính được bao gồm ngô, thóc, gạo, và thức ăn hỗn hợp bổ sung cho đàn gà. Theo Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015^b) cho biết rằng năng suất trứng tính cho 1 mái Chọi đến 68 tuần tuổi là 26,54 - 27,14 quả với tiêu tốn thức ăn cho 10 trứng từ 12,94 - 13,45 kg. Như vậy, kết quả của chúng tôi thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của tác giả trên.

Tỷ lệ trứng có phôi và kết quả ấp nở

Kết quả theo dõi khả năng ấp nở của đàn gà mái nuôi tại 8 hộ đồng bào tham gia bảo tồn trong năm 2020 được thể hiện ở Bảng 9. Số lượng trứng gà đem vào ấp (từ tuần đẻ thứ 5 trở đi) là 1157 quả, trong đó trứng có phôi là 1029 quả, số gà con nở là 820 con, tương ứng với tỷ lệ trứng có phôi đạt 88,94% và tỷ lệ nở/tổng trứng đạt 70,87%.

Bảng 9. Kết quả ấp nở trứng gà Trụi lông cổ

Chỉ tiêu	Kết quả
Tổng số trứng đưa vào ấp (quả)	1157
Số trứng có phôi (quả)	1029
Tỷ lệ trứng có phôi (%)	88,94
Số gà con nở ra (con)	820
Tỷ lệ nở/trứng ấp (%)	70,87
Tỷ lệ nở/trứng có phôi (%)	79,69

Theo dõi kết quả ấp nở của gà Chọi trong nghiên cứu của Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015) cho thấy tỷ lệ trứng có phôi đạt 89,40 - 90,47%; tỷ lệ gà loại 1 đạt 73,34 - 74,89%, tỷ lệ trứng có phôi của gà Đông Tảo là 84,66 - 86,11%; tỷ lệ nở/tổng ấp là 66,55 - 68,23%. Theo Lý Văn Vỹ và cs. (2009), gà Chọi Bình Định có tỷ lệ phôi 98,4%, tỷ lệ nở/tổng trứng là 79,3%. Như vậy, kết quả ấp nở của gà Trụi lông cổ cao hơn gà Đông Tảo và thấp hơn gà Chọi.

KẾT LUẬN

Gà Trụi lông cổ 01 ngày tuổi có màu lông vàng nhạt, nâu vàng có đốm đen ở đầu, đuôi và đầu cánh, cổ dài và không có lông; da, mỏ và chân có màu vàng tỷ lệ đàn gà con nở ra có đặc điểm trụi lông cổ chiếm 87,33%. Khi trưởng thành gà có màu lông đa dạng. Gà trống có ba màu lông cơ bản là màu đỏ tía, đen xanh và màu đốm đen. Ở gà mái, có lông màu đốm đen, vàng nâu, nâu đen, đen, vàng nhạt, hoa mơ. Kiểu mào chủ yếu là mào cờ, da chân có màu xám và màu vàng.

Tỷ lệ nuôi sống (1-20TT) đạt 79,23%. Khối lượng lúc 01 ngày tuổi đạt 29,40 g/con, 8 tuần tuổi con trống đạt 658,13 g/con, con mái đạt 557,67 g/con, gà trống 20 tuần tuổi đạt trung bình 1382,97 g/con, gà mái đạt 1116,83 g/con.

Tuổi đẻ quả trứng đầu là 182 ngày tuổi, tỷ lệ đẻ 5% đạt ở 197,75 ngày tuổi và đỉnh cao ở 257,50 ngày tuổi. Khối lượng trứng ở tỷ lệ đẻ đỉnh cao đạt 42,20 g/quả. NST/mái/52 tuần đẻ đạt 24,35 quả với tỷ lệ đẻ trung bình 6,87%; TTTA/10 trứng là 10,62 kg; tỷ lệ trứng có phôi đạt 88,94% và tỷ lệ gà con nở ra trên tổng trứng ấp đạt 70,87%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Vũ Chí Thiện, Phạm Thị Bích Hương, Nguyễn Thị Minh Tâm, Trần Trung Thông, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Tuyên và Nguyễn Thanh Sơn. 2014. Chọn lọc dòng gà Ri Hoa Mơ. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi số 51 tháng 12-2014, Tr. 1-9.

- Ngô Thị Kim Cúc và Trần Trung Thông. 2018. Đánh giá khả năng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế của gà Mía thương phẩm. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi, số 94 tháng 12/2018.
- Lê Thị Thu Hiền, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hữu Cường, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Thị Kim Oanh, Phạm Thùy Linh, Nguyễn Thanh Sơn và Phùng Văn Cảnh. 2015. Chọn lọc nhân thuần giống gà Đông Tảo. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi, số 57 tháng 11/2015a, Tr. 31-38.
- Lê Thị Thu Hiền, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Thị Kim Oanh, Phạm Thùy Linh, Phùng Văn Cảnh, Phạm Sỹ Tiếp và Dương Trí Tuấn. 2015. Chọn lọc nhân thuần giống gà Chọi. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi, số 57 tháng 11/2015b, Tr. 39-47.
- Phạm Công Thiệu, Phạm Hải Ninh, Nguyễn Công Định, Đặng Vũ Hòa, Lê Thị Bình, Nguyễn Khắc Khánh, Cao Thị Liên, Phạm Đức Hồng, Phạm Đức Hạnh và Nguyễn Thông Thanh. 2017. Báo cáo tổng hợp Kết quả Khoa học Công nghệ nhiệm vụ Quỹ gen cấp Bộ “Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi” năm 2017, Hà Nội.
- Phạm Công Thiệu, Nguyễn Hữu Cường, Phạm Hải Ninh, Nguyễn Quyết Thắng, Trần Quốc Hùng, Nguyễn Thị Thanh Vân, Đỗ Văn Hùng và Nguyễn Khắc Khánh. 2018. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của gà Tò. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi, số 84 tháng 2/2018, Tr. 43-52.
- Phạm Công Thiệu, Nguyễn Quyết Thắng, Phạm Hải Ninh, Hồ Xuân Tùng, Trần Văn Phượng, Trần Thị Hiền, Nguyễn Thị Thu Hiền, Ma Thị Dược, Phạm Hồng Bé và Lê Thị Bình. 2018. Chọn lọc đàn hạt nhân gà Tò, Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi số 85. Tháng 3/2018, Tr. 46-54.
- Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Văn Đồng, Vũ Chí Thiện và Nguyễn Thị Thu Hiền. 2009. Đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, sinh sản của 3 giống gà Hồ, Mía, Móng (Tiên Phong) tại trại thực nghiệm Liên Ninh. 2009. Báo cáo khoa học năm 2008 – Phân Di truyền – Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi, Tr. 286-295.
- Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Minh Hằng, Nguyễn Thị Thu Hiền và Phạm Thị Nguyệt Mai. 2020. Đánh giá khả năng sản xuất của gà Chọi, gà Trụi cổ nuôi tại Trại thực nghiệm Liên Ninh.
- Lý Văn Vỹ, Đoàn Trọng Tuấn và Hoàng Văn Trường. 2009. Kết quả bảo tồn và phát triển giống gà Chọi Bình Định. Báo cáo kết quả nguồn gen Việt Nam, Viện Chăn nuôi, Tr. 151-156.

Tiếng nước ngoài

The happy chicken coop. 2019. The Naked neck chicken breed profile. <https://www.thehappychickencoop.com/naked-neck-chicken/>

ABSTRACT

Evaluation results for appearance characteristics and productivity of the Naked neck chicken breed in Que Phong district, Nghe An province

This study is aimed to be a first step in assessing the appearance characteristics, growth ability, and reproductive productivity of Naked neck chickens that are conserved at Na Sai village, Hanh Dich commune, Que Phong district, Nghe An province from 2019 to 2020. Results showed that the Naked neck chicken has appearance characteristics at one day of age with pale yellow and yellow-brown hair, with black spots on the head, tail, and wingtip, long neck and hairless; pale yellow skin, beak, and legs. At 20 weeks, males have a larger body than females, with a variety of feather colors, round eyes, the golden black, curved and hard beak. Especially, the upper side of the neck extending from ear to body completely hairless, the underside of the neck has a bunch of feathers attached to the body, bright red face and neck skin, a long, curled tail, and blue-black. Females have a slimmer and lighter body than males, round eyes, black and yellow beak, pale pink face and neck skin, and the neck area is also hairless. Naked neck chickens have a survival rate at 20 weeks of age of 79.33%. The body weight at 8 weeks of age was 658.13 and 557.67 g/head for males and females. At 20 weeks of age, the males and females reached 1,382.97 and 1,116.83 g/head, respectively. The Naked neck chicken has the age of laying the first egg at 182 days and reaches the peak at 257.50 days of age. Egg production per 52 laying weeks was 24.35 eggs/head, corresponding with a laying rate of 6.87% and FCR/10 eggs were 10.62 kg. The rate of fertile eggs was 88.85%; the rate of hatching/incubation eggs was 70.87%.

Keywords: *Naked neck chicken breed, productivity, egg productivity*

Ngày nhận bài: 22/2/2021

Ngày phản biện đánh giá: 05/3/2021

Ngày chấp nhận đăng: 26/3/2021

Người phản biện: *TS. Hồ Lam Sơn*